

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 102/2020/HS-ST
Ngày 06 tháng 8 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Soạn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2020/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2020/HSST- QĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/HSST- QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 06/8/1985 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Yên Thích, xã B, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H; vợ là Đinh Thị L và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2009/HS-ST ngày 29/6/2009, Tòa nhân dân huyện L, tỉnh V xử phạt Nguyễn Văn D 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, án phí Hình sự D nộp ngày 06/8/2009 (đã được xóa án tích); bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Anh Bùi Công K, sinh năm 1979; trú tại: Khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D là nhân viên rửa xe quán Giang Hùng, ở số 9 đường Phan Chu Trinh, phường K, thành phố V, tỉnh V do anh Nguyễn Văn Hùng làm chủ. Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 02/3/2020, anh Bùi Công K điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 88A-176.21 đến quán Giang Hùng rửa xe. Anh K giao chìa khóa và xe ô tô để D lái lên cầu rửa. Quá trình rửa xe, D mở cốp giữa ghế lái và ghế phụ thì phát hiện 01 ví da màu đen, bên trong có 02 tờ tiền USD mệnh giá mỗi tờ 100 USD, D nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. D lấy 01 tờ tiền 100 USD cất vào túi quần trước bên phải đang mặc và tiếp tục rửa xe. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, D rửa xe ô tô xong và giao xe cho anh K. Sau

khi lấy được tờ tiền 100 USD, D đem vào nhà vệ sinh cất giấu tại vị trí nắp bồn cầu.

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản nêu trên, anh Bùi Công K đã làm đơn trình báo Công an giải quyết vụ việc như đã nêu trên.

Cùng ngày, Nguyễn Văn D đã tự nguyện giao nộp 01 tờ tiền mệnh giá 100 USD, mã số ML47614531 cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 1360 ngày 16/3/2020, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 USD có mã số ML47614531 gửi giám định là tiền thật.

Tại Công văn số 01 ngày 10/3/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh V, Phòng Giao dịch V xác định: Tỷ giá USD/VNĐ (tỷ giá Ngân hàng mua tiền mặt) ngày 02/3/2020 là: 01 USD = 23.140 VNĐ. 100 USD = 2.314.000đ.

Tại Cáo trạng số: 96/CT- VKSTPVY ngày 24/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người bị hại là anh Bùi Công K vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận: Ngày 02/3/2020 anh K đi rửa xe ô tô tại quán rửa xe Giang Hùng và bị mất 100USD để trong ví bên trong cốp xe ô tô. Anh K đã nhận lại tài sản và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn D.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Văn D không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn D tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 02/3/2020, tại quán rửa xe ô tô Giang Hùng ở số 9 đường Phan Chu Trinh, phường K, thành phố V, tỉnh V, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 USD, trị giá 2.314.000đ của anh Bùi Công K để trong ví da màu đen bên trong cốp giữa ghế lái và ghế phụ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị kết án về hành vi vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; gây thiệt hại không lớn để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, sau khi nhận được tài sản bị mất, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội. Do đó Hội đồng xét xử thấy cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng có tác dụng giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về khấu trừ một phần thu nhập đối với người bị kết án: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định Nguyễn Văn D không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Anh Bùi Công K đã nhận lại được tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh V;
- Chi cục Thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Anh Bùi Công K đã nhận lại được tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh V;
- Chi cục Thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

